

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **37** /TTr-UBND

Quảng Ngãi, ngày **22** tháng 3 năm 2022

### **TỜ TRÌNH**

**Ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 16/6/2021 của chính phủ về việc áp dụng cơ chế đặc thù trong cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường cung cấp cho Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2017 - 2020 (đã khởi công và sắp khởi công); Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025; Công văn số 19/HĐND-KTNS ngày 26/01/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc chấp thuận xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030, UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030, với nội dung sau:

#### **I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

Thực hiện Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 và Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 12/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh đã phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 tại các Quyết định: Số 546/QĐ-UBND ngày 09/8/2017 và số 190/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 (viết tắt là Quy hoạch) với tổng số 302 mỏ (gồm: 71 mỏ đá, 95 mỏ cát, 136 mỏ đất) và tổ chức cấp phép thăm dò, khai thác các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng trong thời gian qua đã đáp ứng yêu cầu về vật liệu xây dựng góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025 đã được Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022. Hiện nay, Chính phủ đang chỉ đạo quyết liệt các bộ ngành và địa phương có hướng tuyến cao tốc đi qua triển khai, hoàn thiện các thủ tục liên quan để đảm bảo khởi công trong năm 2022, cơ bản hoàn thành trong năm 2025 tại Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 16/6/2021 và Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022. Trong đó, công tác chuẩn bị nguồn vật liệu xây dựng phục vụ Dự án là một trong những nhiệm vụ quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ triển khai Dự án.

Tại khoản 2 Điều 1 tại Nghị quyết số 751/2019/NQ-UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch quy định: *“Các quy hoạch nêu tại điểm c khoản 1 Điều 59 của Luật Quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt trước ngày 01 tháng 01 năm 2019, trong quá trình thực hiện được điều chỉnh nội dung theo quy định của pháp luật có liên quan trước ngày Luật Quy hoạch có hiệu lực để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội cho đến khi quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo Luật Quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt”*. Theo quy định tại Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ về việc ban hành Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch thì Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 thuộc danh mục quy hoạch được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi, nên được phép điều chỉnh nội dung theo quy định pháp luật có liên quan trước ngày Luật Quy hoạch có hiệu lực trong thời gian chờ Quy hoạch tỉnh được phê duyệt.

Vì vậy, để đảm bảo nguồn vật liệu phục vụ mục tiêu chung của Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn (công trình trọng điểm quốc gia) và bổ sung nguồn vật liệu phục vụ nhu cầu xây dựng các công trình trọng điểm của tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương thì việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Quy

hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 là cần thiết.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

Tạo cơ sở pháp lý để tổ chức cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản hợp lý, tiết kiệm, giảm chi phí đầu tư xây dựng công trình.

### **2. Quan điểm**

- Các vị trí bổ sung vào quy hoạch phải đảm bảo không ảnh hưởng tới các khu vực an ninh, quốc phòng; di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, du lịch; rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên

- Đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng cho Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn và các công trình trên địa bàn tỉnh.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Trên cơ sở ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 42/HĐND-KTNS ngày 09/3/2022, UBND tỉnh giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan xây dựng Nghị quyết tại Công văn số 1072/UBND-KTN ngày 11/3/2022. Sở Xây dựng đã tổ chức kiểm tra hiện trường, lấy ý kiến các sở ngành liên quan đảm bảo thủ tục theo quy định (Có Phụ lục III kèm theo) và xây dựng dự thảo Nghị quyết Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan, sở ngành và địa phương có liên quan; đồng thời đăng tải nội dung dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết; tổng hợp, giải trình, tiếp thu chỉnh sửa Nghị quyết theo ý kiến góp ý của các cơ quan, sở ngành, địa phương; các tổ chức, cá nhân có liên quan và gửi Sở Tư pháp thẩm định. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 32/BC-STP ngày 17/3/2022, cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết.

## **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

### **1. Bố cục**

Nghị quyết được xây dựng theo hình thức thông qua trực tiếp, gồm 03 điều như dự thảo.

### **2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 12/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

“1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 1 như sau:

a) Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đến năm 2025, gồm: 73 mỏ đá xây dựng với tổng diện tích 1.051,49 ha; 96 mỏ cát, sỏi lòng sông với tổng diện tích 1.274,59 ha và 136 mỏ đất đồi với tổng diện tích 1.909,2969 ha.”

2. Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể:

a) Bổ sung vào quy hoạch 02 mỏ đá xây dựng, tổng diện tích 18,45 ha và 01 mỏ cát, tổng diện tích 53,4 ha (*Chi tiết có Phụ lục I kèm theo*).

b) Điều chỉnh quy hoạch 01 mỏ đá xây dựng, tổng diện tích 8,55 ha (*Chi tiết có Phụ lục II kèm theo*).

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII, kỳ họp thứ 7 năm 2022 xem xét thông qua.

(*Kèm theo dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030*).

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Xây dựng; Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Sơn Tịnh;
- UBND thị xã Đức Phổ;
- UBND thành phố Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP, KT-TH, CB-TH;
- Lưu: VT, KTN (Vũ 263).



**Đặng Văn Minh**

## Phụ lục I

**Danh mục các mỏ đá, cát làm vật liệu xây dựng thông thường  
bổ sung vào quy hoạch**

(Kèm theo Tờ trình số 37 /TTr-UBND ngày 22/3/2022 của UBND tỉnh)



ST	Tên khu vực mỏ	Tọa độ VN2000 Kinh tuyến trực 108, Múi chiều 3°		Diện tích (ha)	Trữ lượng
		X (m)	Y (m)		
<b>I</b>	<b>Đá xây dựng</b>			<b>18,45</b>	
1	Mỏ đá xóm 1, thôn Diên Trường, xã Phở Khánh, thị xã Đức Phở	612.051,63	1.626.052,12	8,41	Sẽ được xác định trong quá trình khảo sát thăm dò
		612.173,97	1.626.058,69		
		612.189,41	1.625.918,58		
		612.269,30	1.625.758,39		
		612.281,50	1.625.561,14		
		612.083,32	1.625.548,54		
2	Mỏ đá Suối Tiên, thôn Vạn Trung, xã Phở Phong, thị xã Đức Phở	591.116,76	1.642.529,84	10,04	Sẽ được xác định trong quá trình khảo sát thăm dò
		591.177,50	1.642.615,25		
		591.192,28	1.642.686,88		
		591.099,24	1.642.820,52		
		590.896,15	1.642.958,87		
		590.692,85	1.642.842,49		
		590.939,88	1.642.463,47		
<b>II</b>	<b>Cát xây dựng</b>			<b>53,4</b>	
1	Mỏ cát Tịnh An - Nghĩa Dũng, xã Tịnh An và xã Nghĩa Dũng, thành phố Quảng Ngãi (Số hiệu trên bản đồ TP23)	589.516,78	1.674.504,09	53,4	Sẽ được xác định trong quá trình khảo sát thăm dò
		589.781,25	1.674.515,58		
		589.866,44	1.674.368,60		
		590.218,26	1.674.577,37		
		590.184,00	1.674.645,00		
		590.607,86	1.675.028,55		
		590.663,00	1.674.952,00		
		590.575,00	1.674.669,00		
		590.557,00	1.674.472,00		
		590.461,00	1.674.263,00		
		590.296,00	1.674.025,00		
		589.967,21	1.673.833,30		

**Phụ lục II**  
**Danh mục mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường**  
**điều chỉnh quy hoạch**

*(Kèm theo Tờ trình số 37 /TTr-UBND ngày 22/3/2022 của UBND tỉnh)*



STT	Khu quy hoạch (Số hiệu trên bản đồ)	Toạ độ VN2000-Kinh tuyến trục 108, múi chiếu 3°		Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (ngàn m3)	Trữ lượng đã thăm dò (ngàn m3)	Giai đoạn đến năm 2025		Giai đoạn đến năm 2030	
		X (m)	Y (m)				Thăm dò (ngàn m <sup>3</sup> )	Công suất dự kiến khai thác (ngàn m <sup>3</sup> /năm)	Thăm dò bổ sung (ngàn m <sup>3</sup> )	Công suất dự kiến khai thác (ngàn m <sup>3</sup> /năm)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
<b>II. HUYỆN SON TỊNH</b>										
26	Mỏ đá Thế Lợi, xã Tịnh Phong (ST06)	586.224,00	1.685.040,00	8,55		551,82	0	80	300	100
		586.261,68	1.685.128,83							
		586.547,69	1.684.943,93							
		586.501,00	1.684.861,00							
		586.434,00	1.684.742,00							
		586.355,90	1.684.755,63							
		586.290,24	1.684.806,44							
		586.207,73	1.684.782,65							
586.178,00	1.684.881,00									

### Phụ lục III

## Kết quả rà soát, kiểm tra, đánh giá hiện trạng các mỏ khoáng sản điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch

(Kèm theo Tờ trình số 37 /TTr-UBND ngày 22/3/2022 của UBND tỉnh)



### I. Các mỏ khoáng sản bổ sung vào vào quy hoạch

#### 1. Mỏ đá xóm 1, thôn Diên Trường, xã Phổ Khánh, thị xã Đức Phổ

- Về hiện trạng: Khu vực mỏ đá có diện tích khoảng 8,41 ha, địa hình có dạng đồi núi thấp, trong phạm vi mỏ không có các công trình nhà cửa, vật kiến trúc và các công trình xây dựng khác, cách xa khu dân cư; trên bề mặt có lộ đá tảng, đá lăn, có keo và bụi rậm, thuận lợi trong việc kết nối hạ tầng trong khu vực để khai thác.

- Về di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh: Khu vực mỏ đá không nằm trong khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đã được cấp thẩm quyền xếp hạng (Công văn số 78/SVHTTDL-QLVH ngày 19/01/2022 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

- Về quy hoạch đất rừng: Đối chiếu bản đồ kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tại Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thống nhất việc đề xuất cấp thẩm quyền xem xét, bổ sung quy hoạch mỏ đá vào Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 (Công văn số 315/SNNPTNT-TL ngày 27/01/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

- Về khu vực cấm hoạt động khoáng sản: Khu vực mỏ đá không nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 (Công văn số 457/STNMT ngày 28/01/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

- Về quốc phòng: Qua kiểm tra, đối chiếu với lĩnh vực quốc phòng, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh thống nhất việc bổ sung mỏ đá vào quy hoạch (Công văn số 316/BCH-TM ngày 10/02/2022 của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh)

- Về quy hoạch khoáng sản khác: Khu vực mỏ đá không nằm trong Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản (trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng và than bùn) tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 đã được phê duyệt tại Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 21/01/2013. Sở Công Thương thống nhất việc bổ sung mỏ đá vào quy hoạch khoáng sản làm vật liệu xây dựng (Công văn số 131/SCT-QLCN ngày 20/01/2022).

#### 2. Mỏ đá Suối Tiên, thôn Vạn Trung, xã Phổ Phong, thị xã Đức Phổ

- Về hiện trạng: Mỏ đá Suối Tiên, thôn Vạn Trung, xã Phổ Phong đề nghị bổ sung quy hoạch có diện tích khoảng 10,04 ha (đã được điều chỉnh sau khi kiểm tra), nằm ở phía Bắc Quốc lộ 24, phía Tây Bắc có tuyến đường dây điện 110kV chạy qua, phía Đông có lạch suối nhỏ; địa hình đồi núi thấp đang trồng keo, trên bề mặt có lộ đá tảng, đá lặn, trong phạm vi mỏ không có các công trình nhà cửa, vật kiến trúc và các công trình xây dựng khác, cách xa khu dân cư; thuận lợi trong việc kết nối hạ tầng trong khu vực để khai thác.

- Về di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh: Khu vực mỏ đá không nằm trong khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đã được cấp thẩm quyền xếp hạng (Công văn số 78/SVHTTDL-QLVH ngày 19/01/2022 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

- Về quy hoạch đất rừng: Đối chiếu bản đồ kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tại Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thống nhất việc đề xuất cấp thẩm quyền xem xét, bổ sung quy hoạch mỏ đá vào Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 (Công văn số 315/SNNPTNT-TL ngày 27/01/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

- Về khu vực cấm hoạt động khoáng sản: Khu vực mỏ đá không nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 (Công văn số 457/STNMT ngày 28/01/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

- Về quốc phòng: Qua kiểm tra, đối chiếu với lĩnh vực quốc phòng, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh thống nhất việc bổ sung mỏ đá vào quy hoạch (Công văn số 316/BCH-TM ngày 10/02/2022 của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh)

- Về quy hoạch khoáng sản khác: Khu vực mỏ đá không nằm trong Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản (trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng và than bùn) tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 đã được phê duyệt tại Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 21/01/2013. Sở Công Thương thống nhất việc bổ sung mỏ đá vào quy hoạch khoáng sản làm vật liệu xây dựng (Công văn số 131/SCT-QLCN ngày 20/01/2022).

### **3. Mỏ cát Tịnh An - Nghĩa Dũng, xã Tịnh An và xã Nghĩa Dũng, thành phố Quảng Ngãi.**

- Về hiện trạng: Khu vực mỏ cát có dạng bãi bồi, nằm giữa sông Trà Khúc thuộc địa bàn xã Tịnh An và xã Nghĩa Dũng, thành phố Quảng Ngãi, cách Đập dâng sông Trà Khúc về phía hạ lưu khoảng 200 mét; trên bề mặt địa hình chủ yếu là cây cỏ dại, một số vị trí người dân đang canh tác hoa màu. Ngoài ra không có công trình xây dựng trong phạm vi mỏ.



- Về di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh: Khu vực mỏ cát không nằm trong khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đã được cấp thẩm quyền xếp hạng. Sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt bổ sung vị trí mỏ cát vào quy hoạch, trong quá trình khai thác nếu phát hiện có di vật, cổ vật phải báo ngay cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, quy định tại Khoản 20 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009 và nếu xét thấy có khả năng ảnh hưởng xấu đến cảnh quan thiên nhiên và môi trường - sinh thái của hệ thống di tích thì phải có ý kiến thẩm định bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về văn hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001.

- Về quy hoạch thủy lợi: Phần lớn mỏ cát nằm trong phạm vi quy hoạch chỉnh trị sông Trà Khúc đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Trong quá trình khai thác phải lưu ý độ sâu đáy khai thác của mỏ không được thấp hơn độ sâu đáy sông chỉnh trị, đồng thời phải tháo dỡ đường vận chuyển trên sông trước mùa mưa lũ hàng năm.

- Về khu vực cấm hoạt động khoáng sản: Khu vực mỏ đất không nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 13/8/2018.

## **II. Điều chỉnh quy hoạch mỏ đá Thê Lợi, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh** (Thứ tự số 26 Phụ lục 1 Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND)

- Về hiện trạng: Mỏ đá đang hoạt động khai thác với diện tích 4,6 ha, phần đề nghị mở rộng khoảng 3,95 ha (phía Bắc 3,18 ha, phía Nam 0,77 ha). Tổng diện tích mỏ sau khi được điều chỉnh mở rộng là 8,55 ha. Phần diện tích mở rộng đang trồng keo, bạch đàn, không có các công trình xây dựng, đường dây điện nên thuận lợi cho việc mở rộng diện tích mỏ.

- Về di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh: Khu vực mỏ đá không nằm trong khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đã được cấp thẩm quyền xếp hạng (Công văn số 2002/SVHTTDL-QLVH ngày 13/12/2021 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

- Về quy hoạch đất rừng: Đối chiếu bản đồ kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tại Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi, phần mở rộng mỏ đá ảnh hưởng đến diện tích đất, rừng sản xuất 2,77 ha tại khoảnh 3, tiểu khu 113, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, có hiện trạng là rừng trồng (keo, bạch đàn). Sau khi được bổ sung vào Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030, trong quá trình lập thủ tục khai thác, chủ đầu tư có trách nhiệm lập hồ sơ báo cáo UBND huyện Sơn Tịnh bổ sung phần diện tích mở rộng vào danh mục rà soát, chuyển đổi đất,

rừng của huyện Sơn Tịnh để tích hợp vào quy hoạch tỉnh, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia. (Công văn số 28/SNNPTNT-TL ngày 06/01/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

- Về khu vực cấm hoạt động khoáng sản: Khu vực mở rộng mỏ đá không nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 (Công văn số 6288/STNMT-KX ngày 24/12/2021 của Sở Tài Nguyên và Môi trường)

- Về quốc phòng: Không ảnh hưởng đến lĩnh vực quốc phòng (Công văn số 4679/BCH-TM ngày 15/12/2021 của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh)/.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2022/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày tháng 4 năm 2022

### NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030**

**DỰ THẢO**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 7

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều luật của Luật Khoáng sản;*

*Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Xét Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 được quy định tại Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 và Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 12/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

“1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 1 như sau:

a) Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đến năm 2025, gồm: 73 mỏ đá xây dựng với tổng diện tích 1.051,49 ha; 96 mỏ cát, sỏi lòng sông với tổng diện tích 1.274,59 ha và 136 mỏ đất đồi với tổng diện tích 1.909,2969 ha.”

2. Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể:

a) Bổ sung vào quy hoạch 02 mỏ đá xây dựng, tổng diện tích 18,45 ha và 01 mỏ cát, tổng diện tích 53,4 ha (*Chi tiết có Phụ lục I kèm theo*).

b) Điều chỉnh quy hoạch 01 mỏ đá xây dựng, tổng diện tích 8,55 ha (*Chi tiết có Phụ lục II kèm theo*).

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

### **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày...tháng 4 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày...tháng...năm 2022.

2. Các nội dung khác của Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của HĐND tỉnh về việc thông qua Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 và Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 12/3/2021 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030

không sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh tại Nghị quyết này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành./.

***Nơi nhận:***

- UBTW Quốc Hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Xây dựng; Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- TT TU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc cho Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội bầu ở tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, Hội, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Lưu: VT, KTNS.

**CHỦ TỊCH**

**Bùi Thị Quỳnh Vân**

**Phụ lục I**  
**Danh mục các mỏ đá, cát làm vật liệu xây dựng thông thường**  
**bổ sung vào quy hoạch**  
*(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày /4/2022*  
*của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)*

ST T	Tên khu vực mỏ	Tọa độ VN2000 Kinh tuyến trục 108, Múi chiều 3°		Diện tích (ha)	Trữ lượng
		X (m)	Y (m)		
<b>I</b>	<b>Đá xây dựng</b>			<b>18,45</b>	
1	Mỏ đá xóm 1, thôn Diên Trường, xã Phở Khánh, thị xã Đức Phở	612.051,63	1.626.052,12	8,41	Sẽ được xác định trong quá trình khảo sát thăm dò
		612.173,97	1.626.058,69		
		612.189,41	1.625.918,58		
		612.269,30	1.625.758,39		
		612.281,50	1.625.561,14		
		612.083,32	1.625.548,54		
2	Mỏ đá Suối Tiên, thôn Vạn Trung, xã Phở Phong, thị xã Đức Phở	591.116,76	1.642.529,84	10,04	Sẽ được xác định trong quá trình khảo sát thăm dò
		591.177,50	1.642.615,25		
		591.192,28	1.642.686,88		
		591.099,24	1.642.820,52		
		590.896,15	1.642.958,87		
		590.692,85	1.642.842,49		
		590.939,88	1.642.463,47		
<b>II</b>	<b>Cát xây dựng</b>			<b>53,4</b>	
1	Mỏ cát Tịnh An - Nghĩa Dũng, xã Tịnh An và xã Nghĩa Dũng, thành phố Quảng Ngãi (Số hiệu trên bản đồ TP23)	589.516,78	1.674.504,09	53,4	Sẽ được xác định trong quá trình khảo sát thăm dò
		589.781,25	1.674.515,58		
		589.866,44	1.674.368,60		
		590.218,26	1.674.577,37		
		590.184,00	1.674.645,00		
		590.607,86	1.675.028,55		
		590.663,00	1.674.952,00		
		590.575,00	1.674.669,00		
		590.557,00	1.674.472,00		
		590.461,00	1.674.263,00		
		590.296,00	1.674.025,00		
	589.967,21	1.673.833,30			

**Phụ lục II**  
**Danh mục mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường**  
**điều chỉnh quy hoạch**  
*(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày /4/2022*  
*của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)*

STT	Khu quy hoạch (Số hiệu trên bản đồ)	Tọa độ VN2000-Kinh tuyến trục 108, múi chiếu 3 <sup>o</sup>		Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (ngàn m <sup>3</sup> )	Trữ lượng đã thăm dò (ngàn m <sup>3</sup> )	Giai đoạn đến năm 2025		Giai đoạn đến năm 2030	
		X (m)	Y (m)				Thăm dò (ngàn m <sup>3</sup> )	Công suất dự kiến khai thác (ngàn m <sup>3</sup> /năm)	Thăm dò bổ sung (ngàn m <sup>3</sup> )	Công suất dự kiến khai thác (ngàn m <sup>3</sup> /năm)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
<b>II. HUYỆN SƠN TỊNH</b>										
26	Mỏ đá Thế Lợi, xã Tịnh Phong (ST06)	586.224,00	1.685.040,00	8,55		551,82	0	80	300	100
		586.261,68	1.685.128,83							
		586.547,69	1.684.943,93							
		586.501,00	1.684.861,00							
		586.434,00	1.684.742,00							
		586.355,90	1.684.755,63							
		586.290,24	1.684.806,44							
		586.207,73	1.684.782,65							
		586.178,00	1.684.881,00							